

Bản án số: 19/2024/HS-ST

Ngày: 05 - 02 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Tuấn

2. Ông Trần Quang Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Thành Công - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS, ngày 25/01/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-HS ngày 25/01/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Trung C**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 26/01/2002. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm HC, xã HT, huyện ĐT, tỉnh TN. Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Công B và bà Đào Thị Nh. Gia đình có 02 anh em, bị can là con thứ hai trong gia đình. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm khi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa).*

*** Bị hại:** Công ty TNHH MTV chuyên phát nhanh TP

Địa chỉ trụ sở: 199 ĐBP, Phường X, quận BT, thành phố HCM.

Đơn vị được uỷ quyền của doanh nghiệp (Theo giấy uỷ quyền số 02/GUQ/2023/TH.N ngày 01/01/2023): Công ty TNHH MTV chuyên phát nhanh TP - Chi nhánh TN;

Địa chỉ trụ sở: Số x đường BK, phường HVT, TP TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo pháp luật của Chi nhánh Thái Nguyên: Bà Đinh Lệ Th - Chức danh: Giám đốc chi nhánh.

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Hoàng Thị Thu H - Nhân viên pháp chế của Chi nhánh TN. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chuyển phát nhanh TP (Công ty TNHH MTV TP) có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 313617136 - 002, với tên chi nhánh: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên chuyển phát nhanh TP - Chi nhánh TN và Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh tại địa chỉ: Khu đô thị kiểu mẫu số 1, Tổ dân phố C 2, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh TN theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh số 00011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh TN cấp (đăng ký lần đầu ngày 28/6/2018, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 14/11/2023).

Ngày 20/3/2023, Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN ký Hợp đồng dịch vụ số 132407 với Phạm Trung C, thời hạn hợp đồng từ ngày 10/5/2023 đến ngày 09/5/2024. Sau khi ký hợp đồng C được cấp phát trang phục, mã số nhân viên, được cấp quyền truy cập vào hệ thống phần mềm của Công ty. Theo nội dung hợp đồng, C có nhiệm vụ hàng ngày đến Công ty (địa điểm kinh doanh tại địa chỉ: Khu đô thị kiểu mẫu, Tổ dân phố C, thị trấn HS, huyện ĐT) để lấy bưu gửi (hàng hóa, bưu kiện...) đi giao cho khách hàng, đồng thời C có trách nhiệm thu, quản lý toàn bộ số tiền COD (tiền hàng thu hộ cho chủ hàng) và tiền cước vận chuyển (nếu có) theo từng bưu gửi phát thành công cho khách hàng và phải ký nhận thành công trên hệ thống quản lý mạng của Công ty. Đến 18 giờ hàng ngày, C có trách nhiệm nộp lại toàn bộ số tiền COD và cước vận chuyển thu được, cùng các bưu gửi chưa giao được cho khách hàng về cho Bưu cục ĐT theo đúng Hợp đồng dịch vụ và Bản cam kết giữa Công với Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN.

C đi làm từ ngày ký hợp đồng dịch vụ. Ngày 22/5/2023, C đến Công ty nhận 63 bưu gửi, để đi làm nhiệm vụ chuyển phát nhanh cho khách và thu tiền COD, cước vận chuyển (nếu có), tổng số tiền là 10.196.047 đồng. Trong quá trình đi giao hàng, C đã nảy sinh ý định chiếm đoạt một số tiền COD, cước vận chuyển khách đã thanh toán để chi tiêu cá nhân. Đến 18 giờ cùng ngày, C đến Công ty bàn giao tiền COD, cước vận chuyển khách đã thanh toán và các bưu gửi chưa phát thành công trong ngày, gồm:

- 32 bưu gửi, có tổng giá trị tiền COD, cước phí vận chuyển là 5.839.129 đồng, C đã giao thành công cho khách và thu tiền đầy đủ, đồng thời đã ký nhận trên hệ thống quản lý và 23 bưu gửi, chưa chuyển phát thành công, có tiền COD, tiền cước vận chuyển là 3.052.518 đồng, C đã mang về bàn giao về Công ty.

- 01 bưu gửi, có tiền COD và cước phí vận chuyển là 97.800 đồng, C đã làm thất lạc bưu gửi, chưa giao được cho khách hàng, chưa ký nhận trên hệ thống và không thông báo về Công ty.

- 07 bưu gửi đã phát thành công cho khách hàng, có tổng tiền COD và cước phí vận chuyển là 1.206.600 đồng, C đã giao thành công cho khách và thu tiền đầy đủ, nhưng không ký nhận trên hệ thống quản lý và không bàn giao về Công ty, mà tự ý chiếm đoạt mục đích sử dụng cho bản thân.

Đến ngày 23/5/2023, C tiếp tục đến Công ty nhận 57 bưu gửi, có tổng tiền COD và cước phí vận chuyển là 9.874.611 đồng (trong đó, gồm cả 07 bưu gửi, có tổng tiền COD và cước phí vận chuyển là 1.206.600 đồng và 01 bưu gửi đã bị thất lạc của ngày 22/5/2023 mà C chưa bàn giao về Công ty) để đi làm nhiệm vụ chuyển phát nhanh cho khách, thu tiền COD và cước vận chuyển. Trong quá trình chuyển phát bưu gửi, C tiếp tục nảy sinh ý định chiếm đoạt một số tiền COD và cước phí vận chuyển của các đơn hàng mà C chuyển phát thành công và thu được tiền của khách hàng trong ngày 23/5/2023. Đến 18 giờ ngày 23/5/2023, C đến Công ty bàn giao tiền COD, cước vận chuyển đối với bưu gửi phát thành công và bưu gửi chưa phát thành công, cụ thể:

+ 08 bưu gửi của ngày 22/5/2023 (gồm 07 bưu gửi, C đã phát thành công cho khách hàng, đã thu tiền của khách hàng, có tổng tiền COD và cước vận chuyển là 1.206.600 đồng C đã tự ý chiếm đoạt và 01 bưu gửi C làm thất lạc, có tiền COD và cước vận chuyển là 97.800 đồng, C không thông báo về Công ty).

Đối với bưu gửi của ngày 23/5/2023:

+ 04 bưu gửi đã phát thành công cho khách hàng, có tổng tiền COD và cước phí vận chuyển là 760.000 đồng, C đã giao thành công tiền thu tiền đầy đủ, đã ký nhận trên hệ thống quản lý nhưng không bàn giao về Công ty, mà tự ý chiếm đoạt mục đích sử dụng cho bản thân.

+ 10 bưu gửi đã phát thành công cho khách hàng, có tổng tiền COD và cước phí vận chuyển là 2.953.136 đồng, C đã giao thành công cho khách và thu tiền đầy đủ, nhưng không ký nhận trên hệ thống quản lý và không bàn giao về Công ty, mà tự ý chiếm đoạt mục đích sử dụng cho bản thân.

+ 01 bưu gửi, C đã hoàn trả lại cho người gửi, tiền COD và cước vận chuyển là 0 đồng.

+ 34 bưu gửi, chưa chuyển phát thành công, có tiền COD, tiền cước vận chuyển là 4.857.067 đồng, C đã mang bàn giao về Công ty.

Như vậy, ngày 22/5/2023 và ngày 23/5/2023, C đến Công ty làm nhiệm vụ đi giao bưu gửi theo hình thức chuyển phát nhanh và thu tiền COD, cước vận chuyển, tuy nhiên, do không có tiền tiêu sai cá nhân nên C đã tự ý chiếm đoạt số tiền COD và cước vận chuyển là 4.919.744 đồng của 21 đơn hàng của Công ty, trong đó: có 07 đơn hàng của ngày 22/5/2023 với tiền COD và cước vận chuyển tổng là 1.206.600 đồng và 14 đơn hàng của ngày 23/5/2023 với tổng tiền COD và cước vận chuyển tổng là 3.713.144 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên C đã tự ý bỏ việc không đến Công ty làm việc.

Về phía Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN sau khi phát hiện sự việc Công có hành vi chiếm đoạt tiền COD và cước vận chuyển của 21 đơn hàng trên của Công ty, Công ty đã nhiều lần gọi điện và mời Công lên làm việc nhưng Công không hợp tác, không hoàn trả tiền về cho Công ty. Đến ngày 06/7/2023 Công ty đã có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐT đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN có đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện ĐT, ngày

7/7/2023 Phạm Trung C đã trả lại cho Công ty số tiền 5.017.544, trong đó bao gồm 4.919.744 đồng là tiền C chiếm đoạt và 97.800 đồng là tiền của 01 đơn hàng C làm thất lạc. Quá trình điều tra và theo đơn xin xét xử vắng mặt Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN xác định bị cáo đã bồi thường xong cho Công ty và Công ty không có yêu cầu gì thêm và đề nghị giảm nhẹ TNHS cho C.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa Phạm Trung C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 19/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐT, tỉnh TN đã truy tố bị cáo Phạm Trung C về tội “*Tham ô tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐT tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Trung C phạm tội: “*Tham ô tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Trung C từ 24 (hai tư) tháng đến 30 (ba mươi) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Lời nói sau cùng bị cáo không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo, thấy:

Phạm Trung C là nhân viên có ký Hợp đồng dịch vụ có thời hạn với Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN, thời gian làm việc từ 10/5/2023, làm việc tại Công ty có địa điểm kinh doanh thuộc khu đô thị kiểu mẫu số 1, Tổ dân phố C 2, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh TN. C được cấp phát trang phục, mã số nhân viên, được quyền truy cập vào hệ thống phần mềm của Công ty để thực hiện

việc ký nhận thành công trên hệ thống quản lý mạng của Công ty, hưởng lương hàng tháng và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của công ty. C được giao nhiệm vụ đi chuyên phát các bưu gửi, đồng thời C có nhiệm vụ thu, quản lý toàn bộ số tiền COD và cước phí vận chuyển khách hàng thanh toán và phải bàn giao về Công ty vào 18 giờ hàng ngày theo Hợp đồng dịch vụ đã ký. Tuy nhiên, trong các ngày 22/5/2023 và ngày 23/5/2023, lợi dụng quyền hạn, trách nhiệm trong việc quản lý tiền COD và cước vận chuyển C đã không thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng, chiếm đoạt số tiền COD và cước vận chuyển của 21 đơn hàng, với tổng số tiền là 4.919.744 đồng, để tiêu sài cá nhân. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, C đã tự ý nghỉ việc tại Công ty. Phía Công ty đã nhiều lần liên lạc yêu cầu C trả lại tiền nhưng C không trả, do đó Công ty đã làm đơn trình báo tới Cơ quan điều tra Công an huyện Đ T. Sau khi Công ty làm đơn trình báo, C đã tự nguyện nộp lại số tiền 5.017.544, trong đó bao gồm số tiền 4.919.744 đồng C đã chiếm đoạt và 97.800 đồng là tiền của 01 đơn hàng C làm thất lạc cho Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với đơn trình báo của bị hại, lời khai của bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Phạm Trung C đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐT truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Nội dung Điều 353 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

...

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Xét tính chất vụ án và hành vi của bị cáo: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng đến hoạt động đúng đắn và uy tín của các Công ty vận chuyển hàng hoá, gây mất lòng tin của người dân vào hoạt động thương mại điện tử, ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế nói chung. Nên cần được xử lý nghiêm minh, đảm bảo tính răn đe của pháp luật và phòng ngừa chung.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa, bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại; Bị cáo được bị hại Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN xin giảm nhẹ

TNHS. Do đó, bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5]. Về hình phạt:

Căn cứ hành vi, tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. HĐXX thấy, khi lượng hình cần áp dụng hình phạt tù, buộc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung; tuy nhiên, cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo tốt sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 353 Bộ luật hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng và hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là có căn cứ, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Phạm Trung C đã nộp lại toàn bộ số tiền 4.919.744 đồng đã chiếm đoạt cho Công ty TNHH MTV TP - Chi nhánh TN. Công ty xác định C đã bồi thường xong và không có yêu cầu đề nghị gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào Điều 109, Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét thấy cần tiếp tục ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Trung C kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Trung C phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 109, Điều 123 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trung C 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Phạm Trung C để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và bị hại đã giải quyết xong, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án. Vắng mặt bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện ĐT;
- VKSND tỉnh TN;
- Công an huyện ĐT;
- TAND tỉnh TN;
- Cơ quan THAHS Công an huyện ĐT;
- Chi cục THADS huyện ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- UBND xã HT, huyện ĐT;
- Bị cáo; Bị hại.
- Lưu: Hồ sơ, bộ phận Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Triệu Cẩm Chi